

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 280****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 14.02.2011****Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện_Úc Châu**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 337, hàng thứ bảy từ dưới đếm lên, từ câu thứ hai.

Trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa Sao quyển 34 lại nói: “tự tánh tức là ngưng nhiên thường, chỉ cho pháp thân”. Trong Sự Tán đại sư Thiện Đạo nói: “cảnh giới niết bàn Cực Lạc vô vi”. Lại nói: “không suy không biến trảm ngưng nhiên thường”. Chúng ta xem từ đây.

Hôm qua chúng ta học đến, trong Tam Tạng Pháp số nói, bản tánh thường chính là pháp thân, cũng là tự tánh. Bất đoạn thường là nói đến báo thân, chính là nói cõi thật báo trang nghiêm. Tương tục thường có thể nói là mười pháp giới y chánh trang nghiêm, nó là tương tương tục.

Hiện nay giới khoa học cũng đã chứng thực, hết thấy mọi hiện tượng, tuy họ nói là vật chất, nhưng hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, là đồng thời phát sanh. Đức Thế Tôn nói cho chúng ta về tam tế tướng của a lại da, nghiệp tướng là hiện tượng tự nhiên, chuyển tướng và cảnh giới tướng, đều thuộc về tương tục thường, sanh ra trong từng niệm. Như Kinh Lăng Nghiêm nói: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Vì sao chúng ta nhìn thấy hiện tượng tồn tại? Chính là tương tương tục, tức ở đây gọi là tương tục thường. Trong tương tục thường nhìn thấy, trong ba loại chu biến nói về: “xuất sanh vô tận”. Đại sư Huệ Năng nói: “năng sanh vạn pháp”, xuất sanh vô tận, đều nói đến vấn đề này.

Trong Hoa Nghiêm Kinh Diễn Nghĩa Sao nói: “tự tánh tức ngưng nhiên thường”. “Ngưng nhiên” là định tại một nơi, nghĩa là không dao động, đây là chỉ pháp thân lý thể. Đại sư Thiện Đạo nói rất hay: “cảnh giới niết bàn là Cực Lạc vô vi”. Hoàn toàn là từ tự tánh thể mà nói, nói trên phương diện lý thể.

Ở đây nói đến cảnh giới niết bàn, chính là năm câu khi đại sư Huệ Năng khai ngộ đã nói. “Vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp”, đó là vô vi. “Vô vi mà vô sở bất vi, vô sở bất vi mà vô vi”. Hiện tượng tự nhiên của thế giới Cực Lạc, một loại là vô

vi, một loại là niết bàn. Họ nói hữu vi, vô vi, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, tất cả đều bao hàm trong đó, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Lại nói, đây chỉ nói về thế giới Cực Lạc: “Thế giới Cực Lạc không suy không biến trảm nhiên thường”. Ý nghĩa của “trảm nhiên” là một ví dụ, giống như nước, nước rất sâu, nước trong sạch không hề có chút nhiễm ô nào. Nước bất động, như một đầm nước trong veo, hoặc giống như ao hồ nhỏ sóng yên gió lặng, ta thấy nước trong hồ này trảm nhiên.

Thế giới Cực Lạc, ở trước chúng ta đã học không ít, ở sau còn nói rất tường tận. Y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, hiện tượng của nó bất suy bất biến, vô suy vô biến. Nói cách khác, bắt đầu từ ngày Di Đà Thế Tôn kiến lập thế giới Cực Lạc, trong kinh Đức Phật nói cho chúng ta biết là năm kiếp trước. Ngài kiến lập thế giới Cực Lạc, bỏ ra thời gian năm kiếp, từ khi thành Phật đến nay đã mười kiếp, cộng lại là 15 kiếp. Bây giờ chúng ta vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, tình hình thấy được, hoàn toàn giống với 15 kiếp trước, không hề thay đổi. Kỳ thực ở thế giới này, sau một a tăng kỳ kiếp, sau hai a tăng kỳ kiếp vẫn cứ như vậy. Ba a tăng kỳ kiếp, bốn a tăng kỳ kiếp nó vẫn là như vậy.

Đức Phật nói với chúng ta, ba đại a tăng kỳ kiếp, đoạn tận tập khí vô thi vô minh, chúng được quả vị diệu giác. Quả vị diệu giác trở về thường tịch quang, cõi thật báo không còn. Ta đã thành Phật, cõi thật báo của mình không còn. Cõi thật báo của họ vẫn còn, không phải đồng thời thành Phật. Người nào thành Phật thì người đó ra đi, giống như tốt nghiệp ở trường vậy. Năm nay khóa này tốt nghiệp rời xa trường, khóa này không còn. Tốt nghiệp trung học lên đại học, tốt nghiệp đại học lên nghiên cứu sở, đại khái là như vậy. Trường học có còn chăng? Vẫn còn, vì sao vậy? Vì vẫn còn rất nhiều học sinh chưa tốt nghiệp. Mỗi năm có lớp ra đi, mỗi năm có người mới vào, cho nên hiện tượng của nó là tương tục, vĩnh viễn là tương tục.

Trong tương tục lại có nghĩa của bất đoạn thường trong đó, trong mười pháp giới tương tục rất rõ ràng, không thấy bất đoạn thường. Vì sao không thấy? Vì có thức biến. Chúng sanh trong mười pháp giới, dùng tám thức 51 tâm sở, cho nên mỗi niệm đều đang biến hóa, không có bất đoạn thường. Niệm này nối tiếp niệm kia chính là đoạn, niệm trước diệt niệm sau sanh, sao nó bất đoạn được? Chỉ vì tốc độ của nó quá nhanh, chúng ta không nhận ra sự biến hóa của nó, thực tế nó đang biến hóa.

Cho thấy kinh văn trong kinh này, nói về thường nhiên... tức bản tánh thường, ngưng nhiên thường. Đây là thật, bốn cõi đều không ngoại lệ. Bốn cõi đều là “như”, bốn cõi đều là “thị”, không lìa bản tánh. Bản tánh thường, đương nhiên nó cũng thường, cho nên gọi là pháp thân, gọi là tự tánh. Pháp

thân bao gồm mọi hiện tượng khắp biến pháp giới hư không giới, không sót một điều nào. Lớn như hư không pháp giới, nhỏ như vi trần vi điểm, đều là tâm hiện thức biến. Cho nên bản tánh thường đều bao gồm hết tất cả.

Gọi là thường nhiên...tức bản tánh thường, ngưng nhiên thường, pháp thân, tự tánh. Do đó thường nhiên, không suy biến. Hiện tượng suy biến ở thế giới Cực Lạc không thấy, chẳng những không thấy ở cõi báo, mà cõi phương tiện và cõi đồng cư, vì oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, trong hai cõi đó cũng không thấy.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo. “Đại sư Vọng Tây hỏi rằng”, đây là đại sư Vọng Tây đưa ra một giả thiết, để giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. “Mặc dù tu nhân chiêu cảm quả báo của cõi nước”. Thế giới Cực Lạc cũng là tu nhân chiêu cảm cõi nước, vốn không có, là do Phật A Di Đà phát 48 nguyện. Thế giới Cực Lạc là do 48 đại nguyện chiêu cảm nên, từ trong tự tánh hiện ra. Tình hình này “mà cũng có thi”, không thể nói nó là vô thi, nó có thi. “Sao có thể nói, phi nhân phi quả ngưng thường nhiên được?” Sao có thể nói không nhân không quả ngưng thường nhiên được? Nói như vậy hình như có mâu thuẫn, không thông suốt.

“Lại tự đáp rằng”, vẫn là tự ngài trả lời. “Nếu đắc thi giác, hoàn đồng bốn giác”. Trong kinh này có, Đức Phật thường nói thi bốn không hai, thi giác chính là bốn giác. Nhất niệm này giác ngộ, nhất niệm giác ngộ chính là bốn giác, mê là vọng, bốn giác không có sanh diệt. Khi mê không phải không có, khi mê cũng có, có nhưng không cảm nhận được nó có. Cho nên trong kinh Phật đã nói đến danh từ, danh từ này là giả thiết- “mê mất tự tánh”, khi mê liền quên mất tự tánh, đây là câu nói giả thiết. Mê là thật, quên mất tự tánh là giả, tự tánh vẫn còn. Còn, vì sao nói là mất đi? Vì ta không biết về nó, lúc này tự tánh không khởi tác dụng, không khởi tác dụng. Bởi vậy tuy có cũng đồng nghĩa như mất đi, chính là như vậy, không phải thật sự mất đi. Có được có mất là không phải chân, chân nhất định lìa nhị biên, ngày nay chúng ta gọi là tương đối. Có chân, có vọng, có giác, có mê đều là đối lập, đều không phải thật.

Lão Tử nói rất hay: “Đạo khả đạo, phi thường đạo”, ở đây gọi là kiến lập thường nhiên, câu này nói không thông suốt. Kiến lập thường nhiên, vốn là như vậy, chúng sanh trong mười pháp giới không nhìn thấy, không lãnh hội được. Nếu buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, lìa mười pháp giới, quý vị sẽ nhìn thấy. Nhìn thấy không phải sanh, không nhìn thấy chẳng phải diệt, nó vốn không sanh diệt.

“Tu nhân cảm quả”, trong giáo lý đại thừa, nhiều người tu hành như thế, cảm quả nghĩa là chứng quả. Khi chứng quả chứng được gì? Thấy được chân

tướng sự thật. Chân tướng sự thật như đại sư Huệ Năng nói, không sanh không diệt, vốn tự thanh tịnh, năng sanh vạn pháp. Tuy sanh vạn pháp, vẫn là “vô vi ngưng nhiên”, thật tuyệt diệu!

Bên dưới nói: “Tức bốn giác lý, thì giác cứu cánh, không ngoài bốn giác”. Sơ trụ Bồ Tát tự giác, thì giác. Ở quả vị Diệu giác là cứu cánh giác. Chưa chứng được cứu cánh giác, giống như là hai vấn đề. Khi chứng được cứu cánh giác, biết là cùng một vấn đề. Cứu cánh giác là gì? Vốn chính là thì giác, thì giác nghĩa là cứu cánh giác, thì bốn không hai. Cho nên thì giác cứu cánh, không ngoài bốn giác.

Như Thích Đại Diễn Luận nói: “nếu đắc thì giác, hoàn đồng bốn giác”. “Đàm năng chứng viết”, khi đàm luận đến năng chứng nói: tuy như có thì, cho đến khi chứng, thì bốn không hai, bốn có thường trú”. Những câu này rất quan trọng, sự ở ngay trước mắt. Từ sáng sớm thức dậy mở mắt ra, đến tối ngủ nhắm mắt lại, thì bốn không hai đều ngay trước mắt, xưa nay chưa từng lìa xa. Ta không lìa xa nó, nó cũng không lìa xa ta, quan hệ quá thân mật, vĩnh viễn không tách rời, như bóng theo hình, không xả bỏ dù chỉ sát na, thì bốn là một không phải hai.

Cho nên biến pháp giới hư không giới, y chánh trang nghiêm đều là chính mình. Ngoài tự tánh ra không có vật nào khác, vì sao vậy? Vì mọi vật toàn là huyễn hóa, không có gì là thật. Đức Phật nói cho chúng ta biết rằng: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Nhìn thấu, tự nhiên buông bỏ. Tôi đã nhìn thấu, nhưng không buông được. Đại sư Chương Gia nói đó là giả, không phải thật. Giả ở đây nghĩa là sao? Là giả nói nhìn thấu, thật ra không nhìn thấu. Vì sao vậy? Vì thật sự nhìn thấu tức là thật sự buông bỏ, nói nhìn thấu nhưng vẫn chưa buông bỏ, là chưa nhìn thấu. Nói đã buông bỏ nhưng vẫn chưa nhìn thấu. Có. Thật sự nhìn thấu không thể không buông bỏ. Buông bỏ là khế nhập, khế nhập gì? Là chứng được, chứng được cảnh giới này là viên mãn thành Phật.

Phần sau cùng mấy câu của đại sư Vọng Tây dễ thấy, dạy chúng ta không được dễ dàng bỏ qua. Ở đây phải đặc biệt chú ý, ngài nói rất hay. Một người tu học, nếu không đạt đến cảnh giới này, thì không nói ra được lời này. Đây đúng là người có tu có chứng, nói rõ cho chúng ta biết.

“Đàm nghĩa là nói, chí nghĩa là đến. Trong lúc có nói có chứng, tuy như có thì, nhưng khi đến nhà”. Đến nhà “tức đến khi có sở chứng”. Đến khi ta có sở chứng, lúc này sẽ như thế nào? “Ngôn ngữ đạo đoạn, tất cả không hai, vốn có thường trú”. Ở đây, chư vị tổ sư đại đức, đem tình trạng khi khai ngộ nói ra cho chúng ta biết. Đây nghĩa là nói, khi có nói có chứng, lúc này tuy như có thì, hình như là có bắt đầu. Lúc đến nhà, tức là khi chứng nhập, khi ta

chúng được, thì và bốn dung hợp với nhau, tuyệt đối không thể tách rời. “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”, chúng ta thử nghĩ xem đây là cảnh giới gì? Chẳng những không nói được, đến nghĩ cũng không thể nghĩ đến. Đoạn tận ngôn ngữ, tâm tư cũng đoạn, lúc này vạn pháp không hai, vốn có thường trụ. Tất cả vạn pháp là tự tánh vốn có, vốn tự đầy đủ trong tự tánh. Mà tất cả pháp là bình đẳng, tất cả pháp là thanh tịnh, xưa nay chưa từng ô nhiễm, vì sao vậy? Vì tự tánh vốn như vậy, tự tánh vốn tự thanh tịnh.

Hiện nay nói đến nhiễm ô, nói đến bất bình, chính là có cao thấp, có đối lập, có xung đột. Những điều này toàn là từ vọng tưởng chấp trước biến hiện ra. Bây giờ bảo quý vị ngôn ngữ đạo đoạn, tất cả không hai. Quý vị đi tìm chấp trước, đi tìm phân biệt, tìm tôi, tìm họ, tất cả đều không tìm thấy! Có tồn tại chăng? Chẳng có gì không tồn tại, nhưng không tìm được nó, tất cả đều tồn tại, tuyệt diệu. Vì sao vậy? Vì cùng một tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đều từ nhất thể này mà sanh mà hiện. Vạn pháp đều trở về tự tánh, gọi là không hai. Lúc này là hiểu thấu triệt để, tánh tướng nhất như, lý sự không hai. Người trong cõi thật báo biết được điều này, người cõi thường tịch quang chứng nhập.

Dùng cách ví dụ của chúng ta hiện nay để nói, người trong cõi thật báo nghiên cứu Phật học. Vào được thường tịch quang là học Phật. Khế nhập, hoàn toàn đạt được lợi ích của Phật pháp, nghĩa là lợi ích của tánh đức.

Những điều ở trên đều là suy luận từ khai thị của đại sư Vọng Tây. Bên dưới căn cứ kinh Đại Thừa Mật Nghiêm của Mật tông nói. Sau khi chúng ta học tập kinh luận của các tông phái, mới biết vạn pháp vốn là nhất thể. Phật Bồ Tát đại từ đại bi, hằng thuận chúng sanh, căn tánh chúng sanh bất đồng, tập khí phiền não không giống nhau, cho nên tu học cũng không thể dùng phương pháp giống nhau. Cùng một phương pháp, không thể độ mọi căn tánh của con người.

Đức Phật là đáng dùng thân gì để nói pháp ngài liền hiện thân đó, phương pháp nào có thể khiến chúng sanh phá mê khai ngộ. Thuật ngữ nhà Phật gọi là độ cơ, đều là dẫn dắt chúng ta, dẫn dắt ta khai ngộ, không dẫn dắt gì khác. Dẫn dắt ta trên phương diện lý, hoặc là phương diện sự đột nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh, công đức viên mãn.

Công đức viên mãn tức là dạy học tốt nghiệp, thầy không cần dạy học, học sinh cũng không cần học tiếp. Đã viên mãn, thầy trò đều được đại viên mãn. Cho nên Mật tông là một loại căn cơ khác, mục tiêu thì sao? Vẫn là niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị xem, đúng là: “phương tiện hữu đa môn, quy nguyên vô nhị lộ”. Nói như thế nào thì cũng là một phương hướng, một mục tiêu. Phật pháp đại thừa cầu sanh thế giới tây phương Cực

Lạc, thân cận Bốn Sư A Di Đà Phật. Mật tông cũng không ngoại lệ, Mật bộ chính là Mật tông.

Trong Kinh Mật Nghiêm nói: “Phật vượt qua điều này, mà nương vào mật nghiêm, cõi Cực Lạc trang nghiêm, Thế Tôn vô lượng thọ. Lại nói, Mật nghiêm Tịnh độ siêu việt cõi nước Chư Phật, như tánh vô vi bất đồng vi trần. Chư Phật Bồ Tát trong Mật nghiêm này, cùng các cõi nước khác, đến dự hội này đều như niết bàn”.

Mật tông đến sau cùng vẫn quy về Tịnh độ, phương hướng và mục tiêu đồng nhất, phương pháp không giống nhau. Như hiện nay chúng ta đi du lịch, mục tiêu chúng ta giống nhau, phương hướng giống nhau, nhưng mỗi người dùng phương tiện giao thông khác nhau. Sau cùng bất luận đến sớm hay đến muộn, đều đến cùng một địa điểm, đạo lý chính là như vậy. Ngàn kinh vạn luận, vô lượng pháp môn, đều vì vấn đề đại sự này. Vãng sanh Tịnh độ là đại sự nhân duyên vô cùng thù thắng trong đời chúng ta.

Bài kệ trong kinh nói rất rõ ràng. Phật chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà quả thật siêu việt mười phương tất cả chư Phật, câu này là tán thán. “Nương vào Mật nghiêm”, nói đến Mật nghiêm ở đây, chính là ở trước chúng ta học đến bản tánh thường, ngưng nhiên thường. Trong kinh luận đại thừa thường nói, chân tâm thường trụ, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với điều này.

“Cõi Cực Lạc trang nghiêm, Thế Tôn vô lượng thọ”. Hai câu trước là từ tự tánh lý thể mà nói, hai câu sau là nói từ sự tướng. Tánh tướng nhất như, lý sự không hai, Mật nghiêm tức là Cực Lạc. “Lại nói, Mật nghiêm Tịnh độ hơn hẳn cõi nước chư Phật”. Ở trước nói, Phật đã vượt qua điều này là chánh báo. Ở đây nói Tịnh độ vượt qua cõi nước chư Phật là y báo, y chánh đều siêu việt.

“Như vô vi tánh”, câu này hiển thị ra, thế giới Cực Lạc là cõi pháp tánh, là thân pháp tánh, như vô vi tánh. “Bất đồng vi trần”, vi trần là pháp tướng. Quả báo y chánh của mười phương thế giới, đều nói từ tướng, nói từ pháp tướng. Pháp tướng, cao có thể nhìn thấy ngưng nhiên thường, bản tánh thường. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, về lý mà nói là bản tánh thường, về tướng mà nói nó là tương tục thường, thường nhiên bất biến, lý sự đều có hiện tượng này. Thế giới Cực Lạc bất đồng vi trần, đích thực là cõi pháp tánh, là thân pháp tánh.

“Chư Phật Bồ Tát trong Mật nghiêm này, cùng các cõi nước khác đến dự hội này, đều như niết bàn”. Hội này là hội của Phật A Di Đà, thấy được Phật A Di Đà, ta chính là hội viên của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là hội chủ, ta là hội viên. Cảnh giới ta nhập vào, không có gì khác với đại thừa Bồ Tát nhập đại bát niết bàn.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, nhập đại bát niết bàn, chính là nhập vào cõi thật báo trang nghiêm của đức Phật Tỳ Lô Giá Na, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, chứng được tam bất thoái: vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái, đồng thời chứng được ba loại bất thoái chuyển.

Trong Kinh Mật Nghiêm cũng nói như vậy. “Mật Nghiêm Kinh Sớ nói, như vô vi, cõi Mật nghiêm, tức là cõi tha thọ dụng của chư Phật. Đối với cõi pháp tánh, dùng nguyện lực từ bi kiến lập. Tịnh độ này như cõi pháp tánh, lìa sự vô thường, cho nên mới nói, như vô vi tánh”. Cõi Mật nghiêm là Mật tông nói, trong Hiền tông gọi là cõi pháp tánh. Mật nghiêm và pháp tánh là một không phải hai, tức là cõi tha thọ dụng của chư Phật.

Cõi tự thọ dụng của chư Phật Như Lai ở đâu? Nói cho chư vị biết, cõi tự thọ dụng tại thường tịch quang. Thường tịch quang Tịnh độ, Bồ Tát trong cõi thật báo không thọ dụng được. Vì sao vậy? Vì tập khí vô trí vô minh làm chướng ngại, các chướng ngại khác đều không có. Không chướng ngại họ tự hành hóa tha, không chướng ngại, chỉ chướng ngại tự tánh thường tịch quang, họ vẫn không được thọ dụng. Cần phải đoạn tận tập khí vô minh, Đẳng giác vẫn còn một phẩm, đoạn được nó tức là đoạn tận. Khi đã đoạn tận không còn là Đẳng giác Bồ Tát, chúng ta gọi họ là Diệu giác quả Phật. Cứu cánh viên mãn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ có một địa vị này, địa vị này là bình đẳng. Pháp thân Bồ Tát trong cõi thật báo chưa đoạn tận vô minh, nhưng tập khí vô trí vô minh của mỗi người sâu cạn không giống nhau, cho nên vẫn không thể gọi là bình đẳng. Đích thực họ cũng chứng được thân pháp tánh, trú cõi pháp tánh, nhưng chưa cứu cánh viên mãn.

Chư Phật Như Lai giáo hóa hàng Bồ Tát này, tức pháp thân Bồ Tát. Họ muốn hiện thân trong cõi thật báo, vẫn là đáng dùng thân gì để độ liền hiện thân đó. Họ ở trong cõi thật báo, hiện thân tướng giống như Bồ Tát cõi thật báo vậy, môi trường sinh hoạt giống nhau. Họ hoàn toàn hiện ra từ tự tánh, không có thức biến. Cho nên nói, đối với cõi pháp tánh, dùng nguyện lực từ bi kiến lập. Giúp pháp thân đại sĩ trong cõi thật báo, chứng được quả đức cứu cánh viên mãn.

“Tịnh độ này như cõi pháp tánh, lìa xa sự vô thường”. Lìa vô thường chính là chân thường, tức ở trước nói đến ngưng nhiên thường, đây là tánh đức. Hiện lộ viên mãn thọ dụng của pháp thân Bồ Tát, với quả Phật cứu cánh trú trong thường tịch quang, chỉ là một bên có tướng, một bên không có tướng. Trong thường tịch quang không có tướng, trong cõi thật báo có tướng, ngoài điều này ra hầu như không có gì khác nhau. Hiện tướng là vì tha thọ dụng, không phải vì tự thọ dụng.

“Cho nên nói như tánh vô vi”, tánh vô vi là chân tánh. “Lại nói, trong kinh nói về tạng Mật nghiêm này, đều do tâm thanh tịnh Như Lai tạng hiện ra, cho nên không phải vi trần thành tựu”. Ý nghĩa này rất sâu sắc, vì tất cả các thế giới đều là tâm hiện thức biến. Sự tồn tại của hiện tượng vật chất, không tồn tại trong cõi thật báo. Vì sao vậy? Vì trong cõi thật báo không có a lại da, không có a lại da thì không có hiện tượng vật chất. Nhưng cõi thật báo có tướng. Ở đây nói rất rõ ràng, có tướng không phải hiện tượng vật chất, thật không thể nghĩ bàn. Tướng từ đâu mà có? “Do tâm thanh tịnh của Như Lai Tạng hiện ra, cho nên không phải vi trần thành tựu”. Vi trần thành tựu nghĩa là một hợp tướng, trong Kinh Kim Cang gọi là một hợp tướng, một chính là vi trần. Tất cả mọi hiện tượng đều do vi trần này tổ hợp thành.

Trước đây, chúng ta dùng thuật ngữ của giới khoa học, chính là những vi trần này tập hợp thành hạt căn bản, nguyên tử. Do rất nhiều nguyên tử tụ tập lại một nơi, sắp xếp thành phương trình khác nhau, điều này trở thành hiện tượng nguyên thủy của vô số vật chất. Nhưng cõi thật báo không phải do hiện tượng vật chất biến hiện ra, vì nó không có a lại da. Nghĩa là nói nó không có vật chất, nó cũng không có tinh thần. Nó không phải vật chất và tinh thần, không phải những thứ này, nó là gì? Ở đây nói rất rõ ràng, câu này rất quan trọng, là tâm thanh tịnh của Như Lai Tạng hiện ra. Nó chỉ có tâm hiện, không có thức biến. Tâm hiện ra hiện tượng này, không phải vi trần tụ, không phải nhất hợp tướng như trong Kinh Kim Cang nói. Điều này rất khó hiểu, đạo lý này đúng là rất sâu sắc, sự lý đều không dễ lãnh hội, không phải vật chất sao có thể hiện tướng?

Chúng ta thấy trong Kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả pháp là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Tâm sở hiện có hiện tượng tự nhiên, có hiện tượng tinh thần, có hiện tượng vật chất. Chúng ta có thể lãnh hội được tâm hiện thức biến. Sau khi bỏ đi thức biến chúng ta cảm thấy rất mù mờ, hiện tượng này chỉ có tâm hiện không có thức biến. Nó và tâm thanh tịnh, Như Lai tạng tâm, tương ứng với thanh tịnh của Như Lai tạng tâm, không tương ứng với tám thức.

Chúng ta muốn hỏi, Bồ Tát Di Lặc nói: “Tâm hữu sở niệm”. Ý niệm vi tế nhất. “Niệm niệm thành hình, hình đều có thức”. Đây là tác dụng của a lại da, trong mười pháp giới thì không vấn đề gì. Hiện nay các nhà vật lý học, đã tiếp xúc được ranh giới này. Nhưng ranh giới của tự tánh, trong kinh Đức Phật nói rất rõ ràng, dùng tâm ý thức tuyệt đối không duyên đến được. Đức Phật chỉ nói: “Chỉ có chứng được mới biết”. Chứng như thế nào? Buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước là chứng được. Cho nên y chánh trang nghiêm của cõi thật báo không thể nghĩ bàn, tâm thanh tịnh của Như Lai Tạng hiện ra.

“Theo như kinh sớ ở trên, Cực Lạc là Như Lai diệu tâm hiện ra, pháp tánh diệu độ thành tựu, nó không như các thế giới khác, một hợp tướng do vi trần tụ tập”. Câu này trong Kinh Kim Cang nói, nói rất hay, nói quá hay. Câu này rất sâu sắc, nghĩa lý thâm sâu vô cùng, vi diệu cùng cực.

Như Lai diệu tâm, pháp tánh diệu độ, lời nói không giống nhau, nhưng cùng một việc. Giáo lý đại thừa thường nói: “Thân pháp tánh, cõi pháp tánh”. Lại nói: “Thân và cõi không hai”. Có thân, có cõi, thân và cõi không hai. Tụ tánh không cách nào nghĩ tưởng, không thể nghĩ tưởng. Nghĩ tưởng đều gọi là vọng tưởng, tuyệt đối không nghĩ ra.

Đối với Phật, trong kinh điển chư vị tổ sư đại đức xưa nay nói, chỉ có ngưỡng tin. Ngưỡng là kính ngưỡng, tôi đối với Phật cung kính, chân thành cung kính, đối với pháp chân thành cung kính. Những gì Đức Phật nói, tôi không hề hoài nghi, tôi tin, nhưng bản thân chưa chứng.

Đức Phật cho chúng ta biết tin tức này, chính là cho chúng ta phương hướng, cho chúng ta mục tiêu. Ta lập định phương hướng và mục tiêu ở đâu? Ở chỗ minh tâm kiến tánh. Đến khi nào ta thấy được Như Lai diệu tâm, thấy được pháp tánh diệu độ, tức nhập Diệu giác vị. Từ Đẳng giác vượt lên đến Diệu giác vị.

Trong Kinh Kim Cang nói, nhất hợp tướng do vi trần tụ tập, đây là mười phương cõi nước chư Phật. Ngày nay chúng ta cư trú trên địa cầu này, dùng Kinh Kim Cang để giải thích hoàn toàn không có vấn đề gì.

Tiếp theo lại nói về vi trần: “Vi trần, không phải chỉ trần ai”. Trần ai quá lớn, trần ai là gì? Là những hạt bụi bay trong không trung, mắt thịt chúng ta có thể thấy được. Nhìn thấy một cách rõ ràng, là có tia mắt trời từ bên ngoài chiếu vào, quý vị thấy vi trần trong ánh mặt trời đó, đó gọi là trần ai. Chúng ta hít thở, trong không khí có trần ai, bản thân chúng ta không biết. Như đeo khẩu trang chính là phòng trần ai, chỉ phòng hạt bụi lớn, còn nhỏ vẫn không phòng được, khẩu trang vẫn có kẻ hở. Hạt bụi rất nhỏ nó vào được, hạt lớn bị chặn lại. Cho nên vi trần không phải chỉ trần ai.

“Lại tổ hợp thành vật chất nhỏ mà lại nhỏ như hạt căn bản”. Niệm Lão là người học khoa học, ở đây ông nói với chúng ta: “như trước đây được biết, điện tử là nhỏ nhất”. Trước đây các nhà khoa học nói, điện tử là nhỏ nhất. Nguyên tử rất lớn, nguyên tử là hạt nguyên tử và điện tử tổ hợp thành, điện tử là nhỏ nhất. “Ngày nay đã phát hiện có loại điện tử càng nhỏ hơn, tạm gọi là hạt vi lượng. Hiện nay giới khoa học cũng biết, hạt vi lượng cũng không phải nhỏ nhất, vật nhỏ mà lại nhỏ này cũng không thể cùng tận”. Khoa học kỹ

thuật, đây là kính hiển vi bội số cao, không ngừng tiến bộ, dần dần phát hiện vật càng nhỏ.

Trong ngoặc đơn bên dưới ông nói: “Từ sau năm 1980, giới khoa học phát hiện vi trung tử”, đây chính là lượng tử lực học. “Khu vực nó chiếm trong không gian, chỉ bằng một trên 100 ức hạt điện tử”. Đây là lượng tử, tiểu quang tử. “Những thứ này bằng bạc khắp không trung. Vi trung tử có thể xuyên qua tấm nhôm hoặc tấm gang dày mười ức cây số, như xuyên qua đám mây”. Tấm nhôm hoặc là tấm gang dày mười ức cây số, chúng ta không thể tưởng tượng được, nó có thể tự động xuyên qua. Đây là thế giới vật lý. “Những thứ này dày đặc trong không trung. Hạt căn bản nhỏ mà lại nhỏ như thế, tức là nghĩa của vi trần”.

3000 năm về trước, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta về vi trần, cũng dùng ví dụ nói. Cách nói trong kinh Phật, Đức Phật dùng ngưu mao trần. Sợi lông của con trâu rất thô, điểm nhọn của lông trâu, trên đầu của sợi lông có một hạt bụi. Nó dính rất vững chắc trên đầu sợi lông, không bị rơi xuống, đây gọi là ngưu mao trần. Chia ngưu mao trần thành bảy phần, 1/7 gọi là dương mao trần, dương mao so với ngưu mao còn nhỏ hơn. 1/7 dương mao trần là thố mao trần, thố mao lại càng nhỏ. Người Trung quốc viết chữ bằng bút lông, có bút lông cừ, có bút lông thỏ, lông thỏ càng nhỏ. Thố mao trần lại phân thành 1/7, gọi là thủy trần, như vậy là rất nhỏ. Nước có độ khít, nhưng nó có kẽ hở, nó ở trong nước có thể hoạt động tự do, không bị chướng ngại. Thủy trần lại chia thành 1/7 gọi là kim trần, kim loại, ở đây gọi là tấm gang, tấm nhôm là kim loại, kim loại cũng có khe hở, hạt bụi này có thể đi tới đi lui trong đó không có chướng ngại.

Giống như ở đây ông nói về vi trung tử, có thể xuyên qua tấm kim loại dày mười ức cây số. Đức Phật nói, đây gọi là vi trần, trong Phật pháp gọi là vi trần, vi trần còn có thể phân. Vi trần lại phân thành 1/7, gọi là sắc tụ cực vi. Sắc tụ cực vi còn có thể phân, lại phân thành 1/7, gọi là cực vi chi vi. Đến đây không thể phân tiếp, phân nữa là không còn, cho nên nó còn gọi là lân hư trần. Giống như là biên giới với hư không, tiếp tục phân là biến thành hư không. Đức Phật dùng phương pháp này.

Ngày nay các nhà khoa học phát hiện vi trung tử, rốt cuộc Đức Phật nói về vi trần, hay Phật nói về sắc tụ cực vi, hay là cực vi chi vi, rất khó nói. Trong kinh Phật nói, cực vi chi vi không thể tiếp tục phân, còn phân chia không phải cực vi chi vi. Quý vị xem vi trung tử, chỉ bằng một trên 100 ức của hạt điện tử, nhỏ đến như vậy.

Bên dưới nói: “Trong kinh này nói, Cực Lạc và Mật nghiêm, đều không phải hạt căn bản hợp thành”. Hạt căn bản là cảnh giới tướng của a lại da, tâm niệm là chuyển tướng, năng lượng là nghiệp tướng. Đây là thấy được a lại da.

Trong kinh này nói: “Cực Lạc và Mật nghiêm, đều không phải hạt căn bản này thành tựu nên. Nói cụ thể là Như Lai diệu tâm, là tự tánh đương nhơn, cho nên không sanh không diệt, không suy không biến, ngưng nhiên thường trụ, như vô vi tánh”. Đây đúng là cảnh giới không thể nghĩ bàn, chúng ta không thể tưởng tượng, cũng không thể miễn cưỡng dùng khoa học hiện nay để so sánh. Vì sao vậy? Vì đến bây giờ khoa học vẫn chưa có định luận, thêm vài năm nữa lại phát hiện vật càng nhỏ hơn.

Phật nói cực vi chi vi là nói giới hạn cuối cùng, khi nào khoa học chứng minh, hiện tượng vật chất này đến cực vi chi vi, nghĩa là tuyệt đối không thể tiếp tục phân, đó chính là Như Lai nói về cực vi chi vi. Chỉ cần có thể phân, thì đều không phải.

Lời kết sau cùng nói rất hay: “Cực Lạc, Mật nghiêm cụ thể là Như Lai diệu tâm, là tự tánh đương nhơn”. Như Lai diệu tâm và tự tánh đương nhơn là một không phải hai, tự tánh đương nhơn nghĩa là tự tánh của chính mình, là chân tâm của chính mình, không phải gì khác. Trong Hệ Niệm Pháp Sự thiền sư Trung Phong nói: “Phật A Di Đà tức là tâm ta, tâm ta tức Phật A Di Đà”. Đây là thật, không phải giả. Cho nên bất sanh bất diệt, không suy không biến, ngưng nhiên thường trú.

Ngưng nhiên thường này, là hiện tượng trong cõi thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà, Chư Phật Như Lai. Chúng ta chỉ có thể dùng hiện tượng tự nhiên để hình dung nó. Trong cõi thật báo có y chánh trang nghiêm, nhưng tuyệt đối không được dùng khái niệm mười pháp giới y chánh trang nghiêm để nhìn nó, như vậy là nhìn sai.

Cần phải chuyển a lại da thành đại viên cảnh trí, như vậy mới thấu hiểu triệt để. Chưa làm được chuyển thức thành trí, không thể hiểu được nó. Điều này trong kinh Phật nói chỉ có chứng được mới biết, dù nói thế nào đối với chúng ta cũng cách một tầng. Tầng này là gì? Tầng này là bát thức, chúng ta không lìa bát thức, bởi vậy luôn cách một tầng.

Xem tiếp đoạn kinh văn sau, đoạn kinh văn này nói về tịnh tâm. Ở trước nói về Tịnh độ là y báo, nói về tịnh tâm là chánh báo.

Mời xem kinh văn: “U vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh, bất khởi tham sân si dục chư tướng, bất trước sắc thanh hương vị xúc pháp. Đản nhạo ức niệm, quá khứ chư Phật, sở tu thiện căn, hành tịch tịnh hạnh, viễn ly hư vọng,

y chân đế môn, thực chứng đức bản, bất kể chúng khổ, thiếu dục tri túc, chuyên cầu bạch pháp, huệ lợi quần sanh, chí nguyện vô quỵện, nhẫn lực thành tựu”.

Đoạn này rất quan trọng. Phật tri, Phật kiến, Phật hạnh, rốt ráo chân thật, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật, tất cả đều ở trong ba thứ này. Quả thật không thể nghĩ bàn. Mỗi câu mỗi chữ đều là nguyên tắc chỉ đạo tu hành cao nhất của chúng ta hiện tại. Câu thứ nhất là tiêu chuẩn chung: “u vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh”.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão: “Đoạn đầu tiên của phẩm này nói rõ cõi nước trang nghiêm, ba đoạn dưới biểu trưng tự tâm nghiêm tịnh”. Những gì ở trước nói là môi trường ở thế giới Cực Lạc. Ba đoạn tiếp theo là cư dân của thế giới Cực Lạc. Vì sao thế giới Cực Lạc tốt đẹp như vậy? Trong kinh điển đại thừa Đức Thế Tôn thường nhắc nhở chúng ta: “Y báo chuyển theo chánh báo”. Lại thường nói: “Cảnh tùy tâm chuyển”, cảnh chính là cảnh giới.

Chúng ta thường coi thân mình là chánh báo, như vậy là sai. Thân không phải chánh báo, thân vẫn là y báo. Là bộ phận mật thiết nhất giữa y báo và chánh báo, nó vẫn là y báo, không phải chánh báo. Chánh báo là gì? Chánh báo là ta khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là năng chuyển, thân thể chúng ta là sở chuyển. Quý vị xem tướng tùy tâm chuyển, thể chất tùy tâm chuyển. Tâm lý chúng ta lành mạnh, thân thể tự nhiên mạnh khỏe, tướng mạo sẽ viên mãn. Nếu tâm không lành mạnh, tướng mạo sẽ không viên mãn, thân thể có khiếm khuyết.

Quý vị xem đoạn kinh văn này, hai câu trước là mục tiêu chung: “u vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh”. Phải tích đức, thực đức là tu, thực nghĩa là tu, phải tu đức hạnh. Không phải thời gian ngắn, vô lượng kiếp tu tích công đức. Đây mới là nghiêm tịnh tự tâm, là chánh báo.

“Tâm và cõi nước không hai, tâm tịnh tức cõi Phật tịnh”. Ở trước là cõi nước tịnh, cõi tịnh từ đâu đến? Là do tâm tịnh. Nếu tâm bất tịnh, hoàn cảnh cư trú sẽ không thanh tịnh. Do đó ở đây chúng ta biết, ngày xưa người tu hành, tâm đều thanh tịnh. Họ ở trong thâm sơn, ở trên cao nguyên, mùa đông rét mướt, thân thể họ mạnh khỏe, không ảnh hưởng đến hoạt động trong cuộc sống. Âm mười mấy độ, mấy mươi độ, họ mang y phục không dày lắm, vẫn sinh hoạt bình thường dưới trời đông tuyết lạnh. Chúng ta thấy rất nhiều ghi chép, người bình thường không làm được, vì sao họ làm được? Vì họ có tâm thanh tịnh, họ có tâm bình đẳng, có tâm chân thành, có tâm từ bi. Những tâm này phát ra năng lượng, người bình thường chúng ta không thể tưởng tượng được, họ có thể biến thân thể mình thành như máy phát điện vậy. Họ có thể

làm được, chẳng lẽ chúng ta không làm được sao? Chúng ta cũng có thể. Vấn đề ở chỗ chúng ta không hiểu phương pháp. Vấn đề căn bản là gì? Là tâm chúng ta không thanh tịnh. Trong tâm chúng ta vọng niệm quá nhiều, không định được.

Nghĩ lại trong Kinh Di Giáo Đức Phật dạy rằng: “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, câu này quan trọng biết bao. Trong kinh giáo Chư Phật Bồ Tát dạy, tổ sư đại đức thường nhắc nhở chúng ta: “Nhất tâm niệm Phật, vô sự bất biện”. Câu nói này là thật, không phải giả. Chúng ta gặp bất kỳ khó khăn gì, chỉ cần ta nhất tâm niệm Phật, mọi khó khăn đều được giải quyết. Trong khó khăn, nghiêm trọng nhất không gì bằng sanh tử. Khi chúng ta đứng trước cửa ải sanh tử, hãy nhớ là phải nhất tâm niệm Phật, có thể giải quyết được khó khăn trước mắt. Nếu thọ mạng chúng ta đến, sẽ thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, trở về thế giới Cực Lạc. Còn như nghiệp duyên của chúng ta ở thế gian này chưa hết, Phật A Di Đà giúp chúng ta mãn nguyện. Bí quyết không có gì khác, chính là nhất tâm chuyên niệm. Quý vị phải ghi nhớ!

Khai thị niệm Phật của Bồ Tát Đại Thế Chí, phải nhớ kỹ, phải luôn áp dụng, như vậy sẽ không hoài công học tập. “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Mọi lúc mọi nơi đều như vậy, đều phải nằm lòng điều này, chính là đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục. Lục căn chúng ta không còn phan duyên bên ngoài, làm được vậy sẽ được Phật Bồ Tát quan tâm. Nếu không làm như vậy, bản thân có rất nhiều chủ ý, có rất nhiều phương pháp, vậy thì Phật Bồ Tát không quan tâm đến. Vì sao vậy? Vì tự mình đã có cách, mình đã có chủ ý. Nếu chính mình buông bỏ tất cả, tôi nhất tâm niệm Phật, vậy là Phật A Di Đà phải quan tâm đến những vấn đề nhỏ nhặt đó, ngài đứng ra làm giúp chúng ta. Chúng ta làm có chướng nạn, ngài làm không có gì trở ngại. Chỉ cần nhất tâm là có thể làm tốt mọi việc.

Niệm Lão giải thích tiếp: “Trước tiên giải thích về kiếp, vô lượng kiếp. Kiếp, biểu trưng thời gian rất dài khó ví dụ. Vô lượng kiếp, tượng trưng kiếp số vô lượng, vô lượng này là thời gian rất dài. Cho nên thời gian này, không có cách nào nói được, không thể tính kê, biểu trưng tu hành rất sâu xa”. “U vô lượng kiếp”, câu này là nói rõ, thời gian tu học quá lâu, quá xa, không cách nào nói rõ.

“Hành, là tạo tác của thân khẩu ý”. Thân là nhất cử nhất động. Khẩu là ngôn ngữ. Ý là ý niệm. Dù tạo nhiều cũng không ra ngoài ba phạm vi này. Cho nên dùng thân khẩu ý, bao gồm vô lượng vô biên tập khí trong đó, bao gồm tất cả. Đây là chữ hành.

“Đức hạnh, do thiện tạo thành gọi là đức, do đạo thành tựu gọi là hạnh”. Giải thích rõ ràng hai chữ đức hạnh, một thứ thành thiện, một thứ thành đạo.

Thiện và đạo, trong ba nghiệp thân khẩu ý đều có. Tư tưởng thiện, trong Phật pháp chính là thập thiện, trong tâm thường nhớ đến thập thiện là ý nghiệp, quý vị là đang tu đức. Ngôn ngữ tương ứng với thập thiện, là khẩu thiện và khẩu nghiệp đang tích đức. Mọi tạo tác của thân thể tương ứng với Thập Thiện Nghiệp Đạo, hành vi của thân thiện. Thập Thiện Nghiệp Đạo, thân 10 thiện, khẩu 10 thiện, ý 10 thiện, như vậy là biến thành 30. Hiện tại 30, quá khứ 30, vị lai 30, như vậy là 90, thêm vào mười điều giới căn bản là 100. Ít nhất là 100 thiện, đây là người học Phật không thể tách rời, mọi lúc mọi nơi. Nếu có thể tư duy như thế, ngôn hành như thế, đây gọi là “tích thực đức hạnh”. Ngày ngày phải tích, thời thời phải tích, “u vô lượng kiếp”.

“Đức hạnh chỉ công đức và hạnh nghiệp, cũng chỉ đầy đủ hạnh công đức”. Công đức và phước đức không giống nhau, nhưng chư vị phải biết, trong công đức nhất định có phước đức, trong phước đức chưa chắc có công đức, công đức vượt qua phước đức. Đức của công đức là tự tánh, nhất định tương ứng với tánh đức, thân ngữ ý đều hành trên đức. Đây gọi là hành đạo, hoặc gọi là tu đạo.

Bên dưới là hợp đức hạnh lại nói: “Thiện sở thành gọi là đức, đạo năng thành gọi là hạnh. Cho nên đức hạnh chỉ công đức và hạnh nghiệp. Lại chỉ đầy đủ hạnh công đức, tức tam vô lậu học giới định tuệ và lục độ”. Nói một cách rất cụ thể. Giới định tuệ là cương lĩnh chung, gọi là tam vô lậu học.

Lậu là đại danh từ của phiền não, vì sao gọi phiền não là lậu? Vì phiền não có thể làm cho công đức trong tự tánh của chúng ta mất hết. Giống như một ly trà, dưới ly trà có một cái lỗ, rót nước trà vào liền bị chảy hết. Công đức trong tự tánh của chúng ta, dù tu như thế nào hình như đều không có thành tựu, nguyên nhân là gì? Vì ta có phiền não, có tập khí, tất cả đều chảy hết.

Trong kinh ví dụ rõ ràng nhất là: “một ngọn lửa sân đốt cháy rừng công đức”. Làm không biết bao nhiêu việc tốt, nổi sân si, mắng người, công đức hoàn toàn mất hết. Công đức không còn, nhưng phước đức còn. Lửa sân hận không đốt cháy được phước đức, nhưng công đức bị đốt cháy là không còn. Tu công đức không dễ, tu phước đức dễ, đời sau có phước báo. Công đức là gì? Công đức là liễu sanh tử xuất tam giới, cho nên rất khó. Sự khác biệt giữa công đức và phước đức, chúng ta không thể không biết.

Gới định tuệ gọi là tam vô lậu học, cương lĩnh chung, nguyên tắc chung. Lục độ là Bồ Tát tu.

Hội Sớ nói: “hành gọi là hành nghiệp, tam nghiệp sở tác. Đức gọi là phước đức, do hành sở cảm”. Hội Sớ giải thích cũng rất hay, hành là hành

nghiệp. Nghiệp là tạo tác. Đây là ba loại tạo tác. Khởi tâm động niệm là ý tạo. Ngôn ngữ khẩu tạo. Thân thể động tác là thân tạo. Cho nên gọi là tam nghiệp sở tác, đây gọi là hành nghiệp. Đức là phước đức, ta tạo ra việc tốt, nhiều phước đức. Ta tạo ra việc ác, đó không phải là phước đức, đó là tai họa.

Quý vị xem văn tự ngày xưa, phước và họa, tai họa. Hình dáng của chữ này hơi giống nhau, thông qua văn tự có thể nhắc nhở chính mình. Rốt cuộc là phước hay họa, ta phải nhìn thấy một cách rõ ràng. Đừng coi họa thành phước, đừng xem phước thành họa, hình dáng của chữ họa và phước rất giống nhau.

Đây là sở cảm của hành, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác tương ứng với tánh đức, hành vi của ba nghiệp này chiêu cảm nên phước đức. Trái lại, không tương ứng với tâm tánh, tam nghiệp tạo ra, chiêu cảm nên chính là tai họa, tức không phải phước đức.

“Lại không phải đạt được trong một sớm một chiều, cho nên gọi là tích thực. Tích là tích lũy, như từng giọt từng giọt tụ lại. Thực là vun bồi, giống như ươm giống thành rừng vậy. Trải qua thời gian lâu xa, không thể xưng kể, cho nên gọi là vô lượng kiếp”. Đây là giải thích cho chúng ta về việc tích lũy từng chút từng chút một. Ngày nay chúng ta quan trọng nhất, là phải tích lũy tịnh nghiệp.

Mọi người đều biết, hiện nay trên toàn thế giới thiên tai liên miên. Có đồng học gửi thư cho tôi, muốn tôi giảng Quan Âm Tam Kinh, vì sao vậy? Đề cầu Quan Âm Bồ Tát, đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, thiên tai ngay trước mắt. Lần này chúng ta ngừng giảng Kinh Hoa Nghiêm, chuyển qua giảng Kinh Vô Lượng Thọ, hoàn toàn tương đồng với ý của họ.

Đại sư Quán Đảnh nói rằng, chúng ta gặp khó khăn lớn nhất, gặp thiên tai nặng nề, tất cả các kinh giáo, sám nghi đều không có hiệu quả. Sau cùng vẫn có một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật có thể giải quyết. Chúng ta có tin chăng? Tin. Vì sao vậy? Chúng ta thấy trong Kinh Vô Lượng Thọ nói, thấy Hoàng Niệm Lão chú giải tường tận như vậy, mỗi lần đọc xong một lượt là vô lượng hoan hỷ. Pháp môn này, kinh điển này, đích thực có thể giúp chúng ta hóa giải tất cả mọi thiên tai. Quan Âm Tam Kinh, chúng tôi hy vọng ti vi có thể phát lại. Trước đây Tam Kinh tôi đều có giảng qua, vì hiện nay giảng lại phải mất thời gian, chúng ta lại phải gián đoạn Kinh Vô Lượng Thọ. Ít nhất giảng viên mãn Kinh Vô Lượng Thọ, giảng cùng một lúc sẽ phân tâm, với mình với người đều không tương ứng. Chúng ta phải nhớ, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, mới có thể được lợi ích chân thật của Phật pháp. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 280